TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-PT
Ngày: 23-01-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản, tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLPT-DS ngày 02/01/2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản, tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".*

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 127/2023/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Công M, sinh năm: 1971; cư trú tại xóm D, thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng Trần Văn B, sinh năm: 1981, bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1985; cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn H1, sinh năm: 1953; cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 89, quyển số 01/2023 TP/CC-SCT/CK do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L chứng thực ngày 18/12/2023), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Sinh B1, sinh năm: 1970; cư trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1963; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

3/ Ông Trần Phi H2, sinh năm: 1973; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 31/01/2023, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Trương Công M thì: Ngày 25/9/2021 giữa ông M, ông Nguyễn Sinh B1, ông Tăng Văn T và vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H có thỏa thuận chuyển nhượng lô đất tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng có diện tích khoảng 15.000m^2. Hai bên đã xác lập "Hợp đồng đặt cọc" vào ngày 25/9/2021, ông M, ông B1 và ông T đã đặt cọc cho vợ chồng ông B, bà H số tiền 500.000.000đ để bảo đảm cho việc chuyển nhượng lô đất trên. Tuy nhiên, vào ngày 19/6/2022 âm lịch, hai bên đã thống nhất hủy "Hợp đồng đặt cọc" nói trên. Đối với số tiền đã đặt cọc cho vợ chồng ông B, bà H thì ông đã bỏ tiền của ông ra trả lại tiền đặt cọc cho ông B1 và ông T nên ông B1 và ông T không còn liên quan đến số tiền đặt cọc này. Do vợ chồng ông B, bà H chưa có tiền trả cho ông ngay đã chuyển sang nhận nợ với ông bằng việc viết giấy vay tiền vào ngày 19/6/2022 âm lịch với số tiền vay là 500.000.000đ, hẹn đến ngày 20/12/2022 âm lịch sẽ trả, không thỏa thuận trả tiền lãi. Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận, ông đã yêu cầu vợ chồng ông B, bà H trả tiền nhưng bị đơn nói là không có tiền trả cho ông. Do vậy, nay ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà H phải trả cho ông số tiền gốc là 500.000.000đ; ông xin rút yêu cầu trả tiền lãi. Ông không đồng ý bồi thường cho vợ chồng ông B, bà H sản lượng cà phê vụ mùa năm 2021 là 10.000kg quả tươi với giá 10.000đ/kg thành tiền là 100.000.000đ và giá trị 05 cây bơ trồng 07 năm tuổi trị giá là 10.000.000đ theo yêu cầu phản tố của vợ chồng ông B, bà H, lý do là ông không thu cà phê vụ mùa năm 2021 cũng như không chặt phá 05 cây bơ của vợ chồng ông B, bà H.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H thì: Vợ chồng ông, bà là chủ sử dụng diện tích khoảng 15.000m^2 tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vợ chồng ông, bà cần tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở nơi khác nên qua giới thiệu, ông Trương Công M đã liên hệ với vợ chồng ông, bà để nhận chuyển nhượng diện tích đất trên với giá thỏa thuận là 280.000.000đ/1.000m^2 đất trồng cây lâu năm, đất ruộng là 140.000.000đ/1.000m^2.

Hai bên đã lập "Hợp đồng đặt cọc" và ông M đã đặt cọc trước cho vợ chồng ông, bà 500.000.000đ vào ngày 25/9/2021, hẹn đến ngày 05/11/2021 sẽ đến Văn phòng công chứng để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông M sẽ bàn giao số tiền chuyển nhượng còn lại. Sau khi xác lập "Hợp đồng đặt cọc", vợ chồng ông, bà đã giao đất cho ông M canh tác và sử dụng. Đến ngày 05/11/2021 ông M không giao số tiền chuyển nhượng còn lại như thỏa thuận, vợ chồng ông, bà liên lạc với ông T qua điện thoại (ông T là người giao dịch chính) thì ông T đã hẹn tuần sau sẽ tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán nốt tiền chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà. Sau đó, phía ông M luôn tìm cách trì hoãn việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng, yêu cầu giảm giá chuyển nhượng nhưng vợ chồng ông, bà không đồng ý. Ngày 19/6/2022 (âm lịch) tức ngày 17/7/2022 dương lịch, ông M, ông T và ông B1 đến nhà vợ chồng ông, bà để thương lượng, ông M không đồng ý nhận chuyển nhượng đất nữa thì vợ chồng ông, bà đồng ý trả lại cho ông M số tiền đặt cọc là 500.000.000đ và ông M yêu cầu vợ chồng ông, bà viết giấy nhận nợ cho ông M thì vợ chồng ông, bà có viết giấy vay tiền cho ông M đối với số tiền trên, hẹn đến ngày 20/12/2022 âm lịch, tức ngày 11/01/2023 dương lịch sẽ trả tiền cho ông M. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông, bà không có tiền trả nên đề nghị trả bằng đất nhưng ông M không đồng ý nên đến nay vợ chồng ông, bà vẫn chưa trả được cho ông M số tiền là 500.000.000đ. Qua yêu cầu khởi kiện của ông M thì vợ chồng ông, bà không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000đ vì đây là khoản tiền chuyển từ tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang thành tiền vay.

Do sau khi đặt cọc, vợ chồng ông, bà giao đất cho ông M sử dụng thì ông M dẫn ông Nguyễn Sinh B1 vào vườn và nói cho ông B1 thu cà phê vụ mùa năm 2021 trên diện tích đất khoảng 15.000m^2 tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng của vợ chồng ông, bà. Sau đó, ông Trần Phi H2 trực tiếp đến thu sản lượng cà phê năm 2021. Ông H2 là người thuê công hái cà phê. Sau khi thu xong cà phê thì vợ chồng ông, bà và ông B1 đã chia đôi sản lượng cà phê quả tươi; vợ chồng ông, bà đã mang sản lượng cà phê được chia về nhà phơi khô và cất giữ. Việc đầu tư, chăm sóc vườn cà phê năm 2021 là do vợ chồng ông, bà là người đầu tư, chăm sóc. Sản lượng cà phê quả tươi năm 2021 thu được ước lượng là 10.000kg do vậy vợ chồng ông, bà có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông M phải bồi thường cho vợ chồng ông, bà sản lượng cà phê thu được vụ mùa năm 2021 là 10.000kg quả tươi nhân với giá là 10.000đ/kg thành tiền là 100.000.000đ.

Ngoài ra, ngay sau khi chuyển số tiền đặt cọc sang vay tiền vào ngày 19/6/2022 âm lịch, vợ chồng ông, bà nhận lại đất thì phát hiện ra 05 cây bơ trồng 07 năm tuổi bị bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng chặt phá. Và bà L cho vợ chồng ông, bà biết người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L chặt thì bà chặt. Theo vợ chồng ông, bà, người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở đây là ông M nên vợ chồng ông, bà có yêu cầu phản

tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông M phải bồi thường giá trị của 05 cây bơ trồng 07 năm là 10.000.000đ.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Sinh B1 thì: việc ông và ông M, ông Trần Văn T1 cùng góp tiền đặt cọc nhận chuyển nhượng diện tích đất khoảng 15.000m^2 tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2021 của vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H như ông M trình bày là đúng. Ông và ông T1 thống nhất để cho một mình ông M đứng ra đại diện ký "Hợp đồng đặt cọc" với vợ chồng ông B, bà H. Sau đó, do các bên không thỏa thuận được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên đã thống nhất hủy "Hợp đồng đặt cọc" nói trên. Ông M đã trả lại cho ông và ông T1 phần tiền đã góp đặt cọc chung; vợ chồng ông B, bà H đã viết lại giấy vay tiền cho ông M là 500.000.000đ nên nay ông M khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 500.000.000đ thì không liên quan gì đến quyền lợi của ông nên ông không có yêu cầu gì.

Sau khi ký "Hợp đồng đặt cọc" thì ông B, bà H giao đất cho các ông canh tác, sử dụng; do ông M, ông T1 không canh tác, đầu tư, chăm sóc được vườn cà phê nên ông và vợ chồng ông B, bà H thỏa thuận cùng đầu tư, thuê công thu chung sản lượng cà phê vụ mùa năm 2021 trên diện tích đất nêu trên. Sản lượng cà phê thu được hai bên đã chia đôi xong với nhau. Trong vụ án này, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị L thì: Bà có biết ông Trương Công M và ông Nguyễn Sinh B1 tiến hành đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông B, bà H tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; sau đó ông M có nhờ ông H2 trong coi, quản lý diện tích đất trên.

Đối với một số cây bơ trồng trên đất của vợ chồng ông B, bà H trồng giáp ranh với đất của bà nên bà có xin ông H2 chặt bỏ mấy cành bơ vượt qua ranh giới sang đất của bà thì ông H2 đồng ý. Bà không nhớ đã đặt số lượng bao nhiêu cây bơ cụ thể, chỉ ước chừng bà chặt khoảng 03 – 05 cây bơ nhỏ, chưa cho quả, loại bơ booth, cây cao khoảng 2,5m đến 03m. Hiện nay số cây bơ mà bà chặt đã phát triển bình thường, chiều cao mỗi cây khoảng 03m, cây chưa cho thu hoạch. Bà không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

- Theo lời trình bày của ông Trần Phi H2 thì: Ông có quan hệ quen biết với ông Trương Công M và ông Nguyễn Sinh B1. Khi ông M tiến hành đặt cọc nhận chuyển nhượng diện tích đất của vợ chồng ông B, bà H thì có nhờ ông trông coi, quản lý diện tích đất trên. Khi đến mùa cà phê, ông M và ông B1 không có thời gian thu hái cà phê nên nhờ ông tìm công thu hái cà phê giúp. Khi người làm công thu hái cà phê ở diện tích đất trên, bà H cũng trực tiếp đến hái cà phê và sau khi hái xong bà H đã cân toàn bộ số cà phê mà bà tự hái và toàn bộ số cà phê do người làm công của ông B1 hái được cho lên xe do bà H thuê chở toàn bộ cà phê thu hái được

đi đâu ông không biết. Ông không thu hái cà phê mà chỉ là người kiếm công thu hái cà phê cho ông M, ông B1.

Đối với một số cây bơ trồng trên đất của vợ chồng ông B, bà H giáp đất của bà Nguyễn Thị L nên bà L xin ông chặt bỏ mấy cành bơ vượt qua ranh giới sang đất của bà L thì ông đồng ý. Bà L chỉ chặt mỗi cây khoảng 01 đến 02 cành chứ không chặt cả cây bơ. Nay các bên tranh chấp ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 127/2023/DS-ST ngày 15/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trương Công M về việc: "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản" với vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả cho ông Trương Công M số tiền gốc là 500.000.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" với ông Trương Công M, về việc yêu cầu ông Trương Công M phải bồi thường sản lượng cà phê thu được vụ mùa năm 2021 là 10.000kg quả tươi nhân với giá là 10.000đ/kg thành tiền là 100.000.000đ và bồi thường giá trị 05 cây bơ trồng 07 năm tuổi trị giá là 10.000.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự

Ngày 22/11/2023 vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

Tại phiên tòa,

Ông Trần Văn H1, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H vẫn giữ nguyên kháng cáo. Ông M đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông B, bà H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc ông Trương Công M, ông Nguyễn Sinh B1 và ông Tăng Văn T thỏa thuận nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H lô đất có diện tích 15.000m^2, hai bên đã xác lập giao dịch đặt cọc theo đó bên nhận chuyển nhượng đã đặt cọc cho bên chuyển nhượng số tiền 500.000.000đ, đến ngày 19/6/2022 âm lịch hai bên đã thống nhất hủy việc đặt cọc nói trên, đối với số tiền 500.000.000đ đã đặt cọc thì thống nhất chuyển sang số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 19/6/2022 âm lịch, không thỏa thuận lãi suất, hẹn đến ngày 20/12/2022 âm lịch vợ chồng ông B, bà H sẽ trả. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông B, bà H có đơn phản tố yêu cầu ông M phải bồi thường cho vợ chồng ông, bà sản lượng cà phê thu được vụ mùa năm 2021 là 10.000kg quả tươi nhân với giá là 10.000đ/kg thành tiền là 100.000.000đ và bồi thường giá trị 05 cây bơ trồng 07 năm tuổi trị giá là 10.000.000đ nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản, tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H thì thấy rằng:

[2.1] Theo nội dung của "Hợp đồng đặt cọc" ngày 02/11/2022; phía dưới thể hiện ngày 19/6/2022 âm lịch có nội dung *"Tôi Trương Công M giao trả lại đất thôn T, Đ cho vợ chồng anh B, bà H, số tiền tôi đặt cọc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) chuyển cho vợ chồng anh B, bà H vay (không lãi suất). Hẹn đến tháng 12 âm lịch năm 2022 trả, nếu sai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật"*. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông B, bà H thừa nhận hai bên đã thống nhất việc hủy "Hợp đồng đặt cọc" giữa các bên và chuyển số tiền đặt cọc 500.000.000đ sang tiền vay. Do khi đến hạn trả nợ vợ chồng ông B, bà H không có tiền trả nên đề nghị trả bằng đất nhưng ông M không đồng ý. Xét thấy việc thỏa thuận nói trên là do các bên tự nguyện; không trái pháp luật và đạo đức xã hội; việc bị đơn xin trả nợ bằng đất; nguyên đơn không đồng ý nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thỏa thuận nói trên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc vợ chồng ông B, bà H có trách nhiệm trả số tiền 500.000.000đ cho ông M là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của vợ chồng ông B, bà H về việc yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị đơn sản lượng cà phê thu được vụ mùa năm 2021 thành tiền là 100.000.000đ và trị giá 05 cây bơ trồng 07 năm tuổi trị giá là 10.000.000đ. Xét thấy thực tế giữa ông M và vợ chồng ông B, bà H có ký "Hợp đồng đặt cọc", tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 31/8/2023 đối với ông Trần Phi H2 (BL 68) của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng thể hiện *"Tôi có mối quan hệ quen biết với ông Trương Công M, ông Nguyễn Sinh B1, khi ông M tiến hành đặt cọc để nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông B, bà H thì có nhờ tôi trông coi, quản lý diện tích đất trên. Khi đến vụ cà phê, ông M và ông B1 không*

có thu cà phê nên có nhờ tôi kiếm công hái cà phê cho ông B1, khi công hái cà phê của ông B1 thì có mặt bà H cùng trực tiếp đến hái cà phê và sau khi hái cà phê xong thì bà H cầm toàn bộ số cà phê tươi mà bà H đã hái và toàn bộ số cà phê công của ông B1 thuê để hái, bà H chở toàn bộ số cà phê trên đi đâu thì tôi không biết...”. Đối với việc chặt phá 05 cây bơ trồng 07 năm tuổi thì bà L xác định bà có chặt ước chừng khoảng 03 đến 05 cây bơ nhỏ, cho có quả, loại bơ booth, cao khoảng 2,5m đến 03m. Ông H2 xác định ông là người cho bà L chặt mỗi cây khoảng 01 đến 02 cành vượt qua ranh giới sang đất của bà L chứ không chặt cà cây bơ như vợ chồng ông B, bà H trình bày. Như vậy việc thu vụ mùa cà phê năm 2021 là do bà H và ông B1 thỏa thuận thu chung và phân chia sản lượng cà phê với nhau, vợ chồng ông B, bà H cho rằng ông M là người thu hái cà phê nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, trong khi đó ông M không thừa nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng ông M, bà B đối với yêu cầu nói trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp vợ chồng ông B, bà H tranh chấp với ông B1, bà L thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, vợ chồng ông B, bà H có đơn kháng có nhưng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ nào mới so với các tài liệu, chứng cứ đã được xuất trình tại giai đoạn sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Vợ chồng ông B, bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông M. Do kháng cáo không được chấp nhận nên vợ chồng ông B, bà H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công M về việc *"Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản"* với vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H có trách nhiệm trả cho ông Trương Công M số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" của vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H đối với ông Trương Công M về việc yêu cầu ông M phải bồi thường sản lượng cà phê vụ mùa năm 2021 là 100.000.000đ và bồi thường trị giá 05 cây bơ trồng 07 năm tuổi là 10.000.000đ.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Ông Trương Công M không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; ông M được nhận lại số tiền 12.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012492 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 29.500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 2.750.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000003 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H còn phải nộp 26.750.000đ.

- Án phí phúc thẩm:

Vợ chồng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 600.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0004342 ngày 04/12/2023 và số 0004345 ngày 05/12/2023; tất cả đều của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông B, bà H đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Lâm Hà (01);
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà (01);
- Đương sự (05);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch